

Số: /KH-UBND

Bình Lương, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2025 trên địa bàn xã Bình Lương

Thực hiện kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2025 của UBND huyện Như Xuân về việc triển khai thực hiện Dự án 2 và Tiểu dự án 1, Dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 trên địa bàn huyện Như Xuân; Quyết định số 943/QĐ-UBND ngày 05/05/2025 của UBND huyện Như Xuân về việc phân bổ vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 (đợt 1).

UBND xã Bình Lương ban hành Kế hoạch Thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 3: chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2025, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025, trong đó trọng tâm là triển khai thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 3 và một số nhiệm vụ khác được giao.
- Nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức cấp xã, trưởng thôn và người dân làm công tác giảm nghèo tại cơ sở nhằm triển khai thực hiện tốt công tác giảm nghèo bền vững gắn với tình hình thực tế tại địa phương.
- Theo dõi, kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về quản lý và tổ chức triển khai thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 3 thuộc Chương trình; kịp thời phát hiện khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai, tổ chức thực hiện, qua đó, đề xuất các giải pháp, kiến nghị trong tổ chức thực hiện và triển khai.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai thực hiện kế hoạch phải đảm bảo thiết thực, hiệu quả; đúng với các quy định của pháp luật về đối tượng, mức hỗ trợ; huy động được sự tham gia của các tổ chức đoàn thể và cộng đồng xã hội cùng chung tay hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo thoát nghèo bền vững.
- Công tác triển khai thực hiện phải đảm bảo tính đồng bộ, có sự phối hợp chặt chẽ với các thôn, đơn vị có liên quan đảm bảo hiệu quả cao nhất.

II. NỘI DUNG TRIỂN KHAI

1. Triển khai thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 3

Trên cơ sở Hướng dẫn số 293/HD-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh về việc triển khai các quy định trong thực hiện cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất trên địa bàn tỉnh thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia và các quy định khác có

liên quan đến Chương trình; tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo nguồn vốn được phân bổ tại Quyết định 943/QĐ-UBND ngày 05/05/2025 của UBND huyện Như Xuân.

a. Nguồn vốn thực hiện: Nguồn vốn sự nghiệp Trung ương phân bổ thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025: 294 triệu đồng.

b. Phạm vi thực hiện: các thôn trên địa bàn xã.

c. Thời gian thực hiện: tháng 5 năm 2025.

2. Triển khai các nội dung khác

2.1. Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

Tổ chức đối thoại về chính sách nhà nước đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp; tuyên truyền, giáo dục nâng cao trách nhiệm của cộng đồng dân cư trong thực hiện dự án phát triển sản xuất. Cung cấp cho người dân thông tin về các nội dung, hoạt động thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững tại các xã, thôn để định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng Chương trình và tăng cường công tác giám sát của người dân.

2.2. Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho trưởng thôn về phát triển sản xuất

Bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, kỹ năng về nội dung tổ chức triển khai thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, hướng dẫn triển khai thực hiện có hiệu quả, đúng đối tượng, nội dung, định mức, giới thiệu một số nội dung chủ yếu của các văn bản quy định liên quan về các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững như: các nghị định của Chính phủ, thông tư của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và PTNT; các nghị quyết của HĐND tỉnh và hướng dẫn quy trình thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Dự án 2 và Tiểu dự án 1, Dự án 3; quy trình chăn nuôi trồng trọt một số cây trồng, con nuôi phổ biến đối với người nghèo hiện nay và trao đổi thảo luận giải đáp những khó khăn vướng mắc trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện.

2.3. Học tập kinh nghiệm về công tác giảm nghèo

Tổ chức học tập kinh nghiệm về công tác giảm nghèo, nhất là việc thực hiện Dự án 2 và Tiểu dự án 1, Dự án 3 và các dự án khác có liên quan tại một số địa phương trong và ngoài tỉnh nhằm nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các ngành, các cấp để hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo; phòng ngừa, hạn chế người dân rơi vào tình trạng nghèo đói; bảo đảm thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, bền vững. Học tập một số mô hình hay, cách làm mới trong phát triển sản xuất, qua đó rút ra những bài học cần thiết cho việc áp dụng vào thực tế tại địa phương.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ: Quyết định số 943/QĐ-UBND ngày 05/05/2025 của UBND huyện Như Xuân về việc phân bổ vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung

ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 (đợt 1).

- Vốn huy động, đóng góp của nhân dân và nguồn huy động hợp pháp khác.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân xã:

1.1. Xây dựng kế hoạch chi tiết triển khai Tiểu dự án 1, Dự án 3 trên địa bàn; căn cứ kế hoạch vốn được phân bổ chủ động triển khai hiện thực dự án theo đúng quy định; sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, đúng đối tượng, công khai, dân chủ, có hiệu quả. Lựa chọn mô hình/dự án, các đối tượng tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; thực hiện quy trình lựa chọn dự án theo quy định và trình UBND huyện phê duyệt để tổ chức thực hiện.

1.2. Tổ chức triển khai thực hiện dự án sau khi có Quyết định phê duyệt của Chủ tịch UBND huyện; tổng hợp báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện về phòng Nông nghiệp và MT; đồng thời chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND huyện về kết quả thực hiện các Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn.

1.3. Giao Công chức phụ trách công tác giảm nghèo:

Chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị có liên quan và thôn tham mưu phân bổ kinh phí sử dụng nguồn vốn của Chương trình phù hợp với tình hình thực tế của thôn và đảm bảo đúng quy định.

Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ: theo dõi, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện dự án, đề xuất giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện; tổ chức đánh giá, sơ kết, tổng kết thực hiện dự án.

1.4. Giao Công chức địa chính NLN:

Phối hợp hướng dẫn chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật, đặc biệt là những công nghệ mới phù hợp với điều kiện vùng miền núi. Thực hiện tốt công tác khuyến nông, khuyến lâm; tổ chức chuyển giao kỹ thuật, thực hiện công tác tư vấn cho các đối tượng tham gia sản xuất; tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật liên quan.

1.5. Giao Công chức kế toán ngân sách:

Hướng dẫn quản lý, sử dụng nguồn kinh phí thực hiện dự án và thanh toán theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

2. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và các ngành đoàn thể:

Tuyên truyền nội dung của Kế hoạch và các chủ trương, chính sách pháp luật có liên quan tới các tổ chức thành viên, hội viên; vận động cán bộ, hội viên, người dân tìm hiểu và tích cực tham gia vào các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Chỉ đạo các tổ chức thành viên tham gia vào việc thành lập cộng đồng lựa chọn các Dự án, đa dạng hóa sinh kế và phát triển mô hình giảm nghèo.

3. Các thôn:

- Tổ chức tuyên truyền, họp dân, đẩy mạnh triển khai thực hiện các nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất đảm bảo kịp thời, hiệu quả, đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tế của thôn.

- Đối với các thôn tham gia thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 3, khẩn trương lựa chọn đối tượng và hoàn chỉnh quy trình hồ sơ theo đúng quy định. Hồ sơ gửi về UBND xã trước **ngày 09/5/2025** để trình Chủ tịch UBND huyện phê duyệt, cấp kinh phí. ***(Chi tiết thực hiện theo hướng dẫn tại phụ lục kèm theo).***

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Tiểu dự án 1, Dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 trên địa bàn xã Bình Lương, đề nghị các đơn vị, ban, ngành có liên quan, và các thôn nghiêm túc triển khai, tổ chức thực hiện./

Nơi nhận:

- Phòng Nông nghiệp & MT;
- TT Đảng ủy, HĐND xã;
- Các PCT UBND xã;
- Các thành viên BCDCTMTQG xã;
- UBMTTQ, các ngành đoàn thể xã;
- Các thôn;
- Lưu: VT.

**PT. ỦY BAN NHÂN DÂN
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đình Đình Phú

PHỤ LỤC

Hướng dẫn thực hiện Tiêu dự án 1, Dự án 3 thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND, ngày /5/2025 của UBND xã Bình Lương)

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BCT ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính về quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 06/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 về quy định mức hỗ trợ cho một dự án phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; số 09/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 06/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022; Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2023 về quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ PTSX thuộc các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 về sửa đổi bổ sung một số điều Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 11/12/2022; số 07/2022/NQ-HĐND, ngày 11/12/2022 quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn trong thực hiện các chương trình MTQG;

Căn cứ Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh về Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động -Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Dân tộc/UBND cấp huyện/UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa; Hướng dẫn số 293/HD-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh Thanh Hoá;

UBND xã Bình Lương hướng dẫn triển khai thực hiện thực hiện Tiêu dự án 1, Dự án 3 thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo như sau:

I. NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ, HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT

Nguyên tắc quản lý hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 27/2022/NĐ-

CP ngày 19/4/2022, được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 11 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023, cụ thể như sau:

1. Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động phát triển sản xuất là hỗ trợ có điều kiện; thời gian hỗ trợ theo chu kỳ sản xuất hoặc theo thời hạn đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia. Ưu tiên sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình phát triển sản xuất thực hiện trên địa bàn các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2. Tăng cường huy động vốn tín dụng, vốn từ các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các tổ chức và cá nhân tham gia thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất. Thực hiện cơ chế lồng ghép nguồn vốn để thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Điều 10 Nghị định 27/2022/NĐ-CP; được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định 38/2023/NĐ-CP.

3. Chi phí lựa chọn dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất (bao gồm chi phí khảo sát, đánh giá; thành lập hội đồng lựa chọn dự án, mô hình; lựa chọn đơn vị đặt hàng, giao nhiệm vụ; tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị cung cấp sản phẩm, dịch vụ; thẩm định giá trong phương án mua sắm vật tư, hàng hóa, dịch vụ) được tính trong kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất hoặc kinh phí thường xuyên của cơ quan, đơn vị trực tiếp thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất; không vượt quá 5% tổng kinh phí được giao để thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển xuất.

4. Ưu tiên sử dụng giống cây trồng, vật nuôi và những hàng hóa, dịch vụ khác do người dân trực tiếp sản xuất tại địa bàn triển khai dự án. Đơn giá thu mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tính theo giá thị trường trên địa bàn tại cùng thời điểm, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận tại giấy biên nhận mua bán với người dân.

5. Các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình (gọi chung là dự án) phát triển sản xuất phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia dự án là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực hỗ trợ thực hiện dự án có trên 70% người dân tham gia dự án là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

6. Thanh toán, quyết toán nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất căn cứ kết quả nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo tiến độ từng năm hoặc giai đoạn.

II. CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT

1. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

2. Đối tượng hỗ trợ: thực hiện theo quy định tại điểm b, Mục 2, Phần III Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể:

+ Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng , kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo), người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên phạm vi toàn huyện.

+ Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

3. Phạm vi thực hiện: Tại các thôn trên địa bàn xã.

4. Điều kiện hỗ trợ

Điều kiện hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023, cụ thể như sau:

- Đảm bảo tỷ lệ tham gia của người dân thuộc đối tượng đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định 27/2022/NĐ-CP; được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11, Điều 1, Nghị định 38/2023/NĐ-CP và quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cộng đồng dân cư đề xuất dự án, phương án sản xuất, dịch vụ là nhóm hộ được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận; tổ hợp tác thành lập tự nguyện theo quy định của pháp luật; nhóm hộ do các tổ chức chính trị - xã hội làm đại diện; nhóm hộ do Ban phát triển thôn làm đại diện hoặc nhóm hộ do người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số miền núi.

- Tổ, nhóm cộng đồng phải có thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

- Hộ tham gia dự án, phương án sản xuất, dịch vụ phải đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án và cam kết đảm bảo phần đối ứng thực hiện dự án, phương án.

5. Nội dung, mức chi hỗ trợ dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng
(theo quy định tại NQ số 06/2022/NQ-HĐND và NQ số 09/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh)

5.1. Nội dung hỗ trợ: theo quy định tại khoản 4, Điều 22, Nghị định 27/2022/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm 4, khoản 13, Điều 1, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP, trong đó ưu tiên thực hiện các nội dung sau:

- Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm.

- Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ; truy xuất nguồn gốc và dán nhãn sản phẩm.

- Vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi.

5.2. Mức hỗ trợ dự án

Tại điểm a khoản 5 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung tại Điều 22 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP), quy định: Hỗ trợ tối đa không quá 95% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 80% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn khó khăn; không quá 60% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên các địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia, nhưng không quá 500 triệu đồng/dự án.

Riêng đối với nội dung hỗ trợ về vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi thì mức hỗ trợ theo Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND được bổ sung tại Điều 2 Nghị quyết 09/2023/NQ-HĐND, nhưng phải đảm bảo tổng mức hỗ trợ cho một dự án, phương án (bao gồm cả nội dung hỗ trợ về vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi) không quá 500 triệu đồng.

5.3. Định mức hỗ trợ vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi cho 01 hộ nghèo (theo quy định tại NQ số 06/2022/NQ-HĐND và NQ số 08/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh).

5.3.1. Dự án trồng trọt

a) Dự án trồng cây lâu năm: Hỗ trợ không quá 08 triệu đồng/hộ nghèo để mua giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chế phẩm sinh học, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch.

b) Dự án trồng cây hàng năm: Hỗ trợ không quá 4,8 triệu đồng/hộ nghèo để mua giống cây trồng, giá thể trồng cây, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chế phẩm sinh học, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch.

5.3.2. Dự án phát triển cây dược liệu quý

Hỗ trợ tối đa 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm để mua giống cây dược liệu, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm; định mức hỗ trợ cho cả 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất không quá 4,8 triệu đồng/hộ nghèo.

5.3.3. Dự án chăn nuôi

a) Giống trâu sinh sản: Hỗ trợ không quá 16 triệu đồng/hộ nghèo để mua con giống, thức ăn chăn nuôi, vắc xin, thuốc thú y phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi, chế phẩm sinh học, hóa chất khử trùng, tiêu độc môi trường chăn nuôi, công cụ, dụng cụ sản xuất; hỗ trợ không quá 02 triệu đồng/hộ nghèo để làm chuồng trại.

b) Giống bò sinh sản: Hỗ trợ không quá 13 triệu đồng/hộ nghèo để mua con giống, thức ăn chăn nuôi, vắc xin, thuốc thú y phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi, chế phẩm sinh học, hóa chất khử trùng, tiêu độc môi trường chăn nuôi, công cụ, dụng cụ sản xuất; hỗ trợ không quá 02 triệu đồng/hộ nghèo để làm chuồng trại.

c) Chăn nuôi gia súc khác: Hỗ trợ không quá 08 triệu đồng/hộ nghèo để mua con giống, thức ăn chăn nuôi, vắc xin, thuốc thú y phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi, chế phẩm sinh học, hóa chất khử trùng, tiêu độc môi trường chăn nuôi, công cụ, dụng cụ sản xuất; hỗ trợ không quá 01 triệu đồng/hộ nghèo để làm chuồng trại.

d) Chăn nuôi gia cầm: Hỗ trợ không quá 07 triệu đồng/hộ nghèo để mua con giống, thức ăn chăn nuôi, vắc xin, thuốc thú y phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi, chế phẩm sinh học, hóa chất khử trùng, tiêu độc môi trường chăn nuôi, công cụ, dụng cụ sản xuất.

e) Chăn nuôi động vật khác (nằm trong danh mục giống vật nuôi được phép sản xuất kinh doanh tại Việt Nam): Hỗ trợ không quá 7 triệu đồng/hộ nghèo để mua con giống, thức ăn chăn nuôi, vắc xin, thuốc thú y phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi, chế phẩm sinh học, hóa chất khử trùng, tiêu độc môi trường chăn nuôi, công cụ, dụng cụ sản xuất.

5.3.4. Dự án lâm nghiệp

Hỗ trợ không quá 12 triệu đồng/hộ nghèo để mua giống cây trồng lâm nghiệp, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón.

5.3.5. Dự án nuôi trồng thủy sản

Hỗ trợ không quá 11 triệu đồng/hộ nghèo để mua giống, thức ăn, hóa chất xử lý môi trường nuôi, chế phẩm sinh học, công cụ, dụng cụ sản xuất, lồng bè nuôi trồng thủy sản, cải tạo diện tích nuôi trồng thủy sản.

Người lao động là người khuyết tật không có sinh kế ổn định, mức hỗ trợ tham gia dự án bằng 100% mức hỗ trợ cho hộ nghèo; mức hỗ trợ cho hộ cận

nghèo, hộ mới thoát nghèo tham gia các dự án thuộc các mục nêu trên, bằng 80% mức hỗ trợ cho hộ nghèo.

5.4. Chi tập huấn, phổ biến kiến thức, chuyển giao tiến bộ khoa học, kỹ thuật cho người tham gia dự án: thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 12 và khoản 1, Điều 4, Thông tư 55/2023/TT-BTC.

5.5. Chi hỗ trợ quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ; truy xuất nguồn gốc và dán nhãn sản phẩm: Thực hiện theo quy định hiện hành và hướng dẫn của phòng Tài chính - Kế hoạch (quy định tại khoản 2, Điều 12, Thông tư 55/2023/TT-BTC).

6. Trình tự, thủ tục thực hiện dự án, phương án sản xuất

Thực hiện theo quy định tại các Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND, số 10/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh. Cụ thể:

(1). Lập hồ sơ dự án

Bước 1: Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thông báo rộng rãi kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên các phương tiện truyền thông, hoặc trên trang điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị.

- Xác định, lựa chọn đối tượng tham gia dự án để lựa chọn cộng đồng dân cư phù hợp; tổ chức họp thôn (có ít nhất 2/3 số hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tham gia) để lựa chọn đối tượng tham gia dự án (hộ tham gia dự án, phương án sản xuất, dịch vụ phải đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án và cam kết đảm bảo phần đối ứng thực hiện dự án, phương án). Xác định cộng đồng dân cư như sau:

- + Nhóm hộ được UBND cấp xã chứng thực.
- + Hoặc tổ hợp tác thành lập tự nguyện theo quy định của pháp luật (Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ về Tổ hợp tác).
- + Hoặc nhóm hộ do tổ chức chính trị xã hội làm đại diện: Hội nông dân xã, Hội liên hiệp phụ nữ xã, Đoàn thanh niên xã,...
- + Hoặc nhóm hộ do Ban phát triển thôn làm đại diện: đối với trường hợp dự án PTSX chỉ triển khai trong phạm vi 01 thôn.

Bước 2: Cộng đồng dân cư phối hợp, thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp xã để xây dựng hồ sơ đề xuất dự án.

- + Tổ chức họp dân để thống nhất dự án hỗ trợ phát triển sản xuất:

Chủ trì cuộc họp: Người đại diện cộng đồng dân cư.

Thành phần tham gia: Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, và các đối tượng có liên quan trong cộng đồng dân cư; đại diện UBND xã.

Cách thức tiến hành: cộng đồng dân cư tiến hành tổ chức họp dân, bàn bạc, thống nhất các nội dung để xây dựng dự án phát triển sản xuất cộng đồng (thống nhất nội dung hỗ trợ, tên dự án, lựa chọn đối tượng giống cây trồng, vật nuôi đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất, phù hợp với tình hình sản xuất trên địa bàn).

Lập biên bản họp dân theo mẫu hồ sơ quy định tại Nghị quyết 08/2022/NQ-HĐND và NQ số 10/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh (**Mẫu số 01 đính kèm**).

- + Trên cơ sở biên bản họp dân, Đại diện cộng đồng dân cư hoàn thiện hồ sơ đề xuất dự án phát triển sản xuất cộng đồng theo mẫu hồ sơ quy định tại Nghị quyết 08/2022/NQ-HĐND, NQ số 10/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, gồm: **đơn**

đề nghị theo mẫu số 02; Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng theo mẫu số 03.

Tổng hợp hồ sơ đề xuất dự án phát triển sản xuất, sau đó nộp hồ sơ. Hồ sơ đề xuất dự án gồm: biên bản họp dân; đơn đề nghị; dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng theo các mẫu trên.

(2). Nộp hồ sơ

- **Bước 3:** Cộng đồng dân cư hoàn thiện hồ sơ đề xuất dự án sản xuất, gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp (hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc hệ thống dịch vụ công trực tuyến) tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai thực hiện dự án sản xuất.

- **Bước 4:** Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổng hợp hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, phê duyệt (hồ sơ nộp qua phòng NN&MT). Hồ sơ gồm có: Tờ trình của UBND xã; hồ sơ đề xuất dự án của cộng đồng dân cư; hồ sơ thành lập cộng đồng dân cư (nhóm hộ); cam kết tham gia dự án của hộ dân; giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo... của đối tượng được hỗ trợ tham gia dự án.

(3). Thẩm định hồ sơ

- **Bước 5:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng chuyên môn tiếp nhận hồ sơ tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Tổ thẩm định và tiến hành thực hiện thẩm định dự án, phương án sản xuất; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, phê duyệt.

Thành phần Tổ thẩm định bao gồm: Tổ trưởng là Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện; thành viên gồm Phòng chuyên môn tiếp nhận hồ sơ, đại diện Phòng Tài chính - Kế hoạch, các phòng, đơn vị chuyên môn cấp huyện có liên quan; chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết); đại diện Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, phương án sản xuất.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện phê duyệt, Phòng chuyên môn tiếp nhận hồ sơ có văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân xã nơi dự kiến triển khai thực hiện dự án và cộng đồng dân cư được biết, trong đó nêu rõ lý do từ chối. .

Nội dung thẩm định: Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định 38/2023/NĐ-CP.

(4). Phê duyệt dự án, phương án sản xuất.

- **Bước 6:** Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định của Tổ thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định phê duyệt dự án, phương án sản xuất.

Nội dung quyết định dự án, phương án sản xuất theo quy định tại điểm đ, khoản 3, Điều 22 sửa đổi, bổ sung tại khoản 13, Điều 1 Nghị định 38/2023/NĐ-CP.

Trường hợp từ chối phê duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản thông báo cho Cộng đồng dân cư biết, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

7. Tổ chức thực hiện các hoạt động dự án

7.1. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị được giao kế hoạch, dự toán thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất:

a) Căn cứ Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, ký hợp đồng với đại diện tổ nhóm cộng đồng thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất.

b) Tổ chức thực hiện các nội dung, hoạt động hỗ trợ theo nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

c) Thanh toán, giải ngân vốn cho đại diện tổ nhóm cộng đồng, các bên liên quan theo tiến độ thực hiện tại Hợp đồng ký kết với đại diện tổ nhóm cộng đồng.

d) Lập sổ theo dõi, giám sát việc sử dụng tài sản hình thành sau hỗ trợ (nếu có), tổ chức thanh lý, thu hồi tài sản theo quy định (nếu có).

đ) Giám sát kết quả thực hiện dự án, phương án sản xuất, dịch vụ.

7.2. Trách nhiệm của đại diện tổ nhóm cộng đồng và các thành viên:

a) Thực hiện dự án, phương án sản xuất theo Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng và Hợp đồng ký kết với cơ quan nhà nước.

b) Sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo đúng nội dung, mục đích, định mức theo Quyết định phê duyệt dự án.

c) Lập sổ theo dõi tình hình sử dụng tài sản sau hỗ trợ, trích khấu hao tài sản cố định, định kỳ báo cáo cơ quan, đơn vị thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất (nếu có).

d) Thực hiện cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng theo quy định của UBND tỉnh.

8. Quản lý, sử dụng và thanh quyết toán vốn

Các đơn vị, cơ quan, UBND xã được giao nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước phải sử dụng đúng nội dung, mục đích, đúng địa bàn, đúng đối tượng; đúng chế độ, định mức; lồng ghép với các nguồn vốn khác (đối ứng của người dân, vốn tín dụng) nhằm phát huy hiệu quả tổng hợp các nguồn lực tài chính, không được sử dụng nguồn kinh phí này chỉ cho các nhiệm vụ khác.

Sử dụng nguồn vốn được giao theo dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện đúng nguyên tắc, phát huy hiệu quả nguồn kinh phí và tránh thất thoát lãng phí ngân sách nhà nước, trong đó lưu ý:

- Đối với các khoản chi đã được cơ quan có thẩm quyền quy định mức chi cụ thể, áp dụng theo mức cụ thể quy định tại Điều 4 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính về quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

- Việc mua sắm thuốc, trang thiết bị, vật tư, hàng hóa, dịch vụ đối với các dự án hỗ trợ theo cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 3, Thông tư 55/2023/TT-BCT, cụ thể như sau:

+ Trường hợp đơn vị thực hiện hoạt động hỗ trợ giao kinh phí từ ngân sách nhà nước cho chủ trì liên kết, đại diện cộng đồng thực hiện, việc mua sắm theo quy định tại Quyết định phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền và hợp đồng đã ký kết với đơn vị được giao vốn thực hiện dự án; chủ trì liên kết, người đại diện cộng đồng tự thực hiện việc mua sắm; đơn vị được giao vốn thực hiện dự án lưu giữ chứng từ liên quan trong việc thực hiện dự án để thanh quyết toán theo quy định.

+ Trường hợp đơn vị thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất trực tiếp thực hiện việc mua sắm theo quy định tại Quyết định phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền, đơn vị thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất tổ chức đấu thầu thực hiện việc mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu và bàn giao sản phẩm, dịch vụ cho chủ trì liên kết, đại diện cộng đồng theo hợp đồng đã ký kết với chủ trì liên kết, đại diện cộng đồng.

+ Đối với mua sắm giống cây trồng, vật nuôi và những hàng hóa dịch vụ do người dân trực tiếp sản xuất tại địa bàn triển khai dự án: Đơn giá thu mua sản phẩm hàng hóa, dịch vụ tính theo giá thị trường trên địa bàn tại cùng thời điểm, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận tại giấy biên nhận mua bán với người dân.

+ Đối với mua sắm giống cây trồng, vật nuôi và những hàng hóa dịch vụ sử dụng do người dân trực tiếp sản xuất tại địa bàn triển khai dự án. Đơn giá thu mua sản phẩm hàng hóa, dịch vụ tính theo giá thị trường trên địa bàn tại cùng thời điểm, được UBND cấp xã xác nhận tại giấy biên nhận mua bán với người dân (theo quy định tại tiết 3, điểm 2, Điều 3 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính về quy định quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025).

- Việc thanh toán, quyết toán kinh phí thực hiện dự án, phương án sản xuất thực hiện theo quy định tại Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực kho bạc Nhà nước; Thông tư số 62/2020/TT-BTC ngày 22/6/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước qua kho bạc Nhà nước; việc quyết toán căn cứ vào kết quả nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo tiến độ từng năm hoặc giai đoạn và quy định pháp luật về ngân sách nhà nước, kế toán và hóa đơn chứng từ.

Hết năm ngân sách, kinh phí được giao cho các cấp, các ngành phải thực hiện thanh quyết toán theo quy định hiện hành; kinh phí còn dư (nếu có) được xử lý theo quy định tại Điều 43 Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước và các hướng dẫn khác của Trung ương.

III. KIỂM TRA, BÁO CÁO

Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện chương trình thực hiện theo Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch số 212/KH-UBND ngày 29/8/2022 của UBND tỉnh về việc tổ chức giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025.

Trên đây là một số nội dung trọng tâm hướng dẫn thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (Tiểu dự án 1, Dự án 3) thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2025. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị UBND các thôn phản ánh kịp thời về UBND xã để giải quyết./.